

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 23-6-2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Lâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Hà Bắc;

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 23 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Hoài N, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã K, huyện H, thành phố H1; nơi tạm trú: Xóm T, xã G1, huyện G, tỉnh N; “Có đơn xin vắng mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy H, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm TN, xã G2, huyện G, tỉnh N; “Vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20- 01- 2020 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Trịnh Thị Hoài N trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy H qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06- 12- 2013. Sau cưới, vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H nghiện ma túy, tuy chị đã cho anh H cơ hội để sửa

chữa nhưng anh H không thay đổi. Anh H cho rằng chị sống không chung thủy, nhảm nhí nói xấu chị với anh chị, bạn bè của chị và chửi bới gia đình chị. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Duy H.

Tại bản tự khai ngày 10- 3- 2020, bản tự khai bổ sung ngày 22- 5- 2020 và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Duy H trình bày: Anh và chị Trịnh Thị Hoài N qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06- 12- 2013. Vợ chồng chung sống hòa thuận được hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong thời gian anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và chị N đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản có xảy ra một số vấn đề. Anh cho rằng chị N sống không chung thủy nên vợ chồng đã cãi chửi nhau. Thời gian 02 năm chị N lao động tiếp ở Nhật Bản, anh ở nhà làm và tự nuôi con chung của vợ chồng. Từ tháng 10- 2019, chị N về Việt Nam và đón con chung, chị N nuôi con chung từ thời gian đó cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay anh xác định vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, chị N đề nghị ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Chị N và anh H đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 03- 8- 2014. Hiện nay, con chung chị N đang nuôi. Ly hôn chị N và anh H đều nhận nuôi con chung, các bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng khoán HTX: Chị Trịnh Thị Hoài N và anh Nguyễn Duy H thống nhất ý kiến: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 08- 5- 2020 đại diện đoàn thể cũng như đại diện UBND xã Giao Thanh cung cấp: Chị Trịnh Thị Hoài N và anh Nguyễn Duy H qua sự tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn, đã được UBND xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06- 12- 2013. Sau ngày cưới, vợ chồng sinh sống cùng gia đình nhà anh H được một thời gian thì cả hai người đều đi lao động tại nước ngoài. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa chị N và anh H, địa phương không nắm được vì vợ chồng là lao động tự do, thường xuyên đi làm ăn xa nhà. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị N và anh H theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 03- 8- 2014, vì cháu L1 giới tính là nữ nên trường hợp chị N và anh H ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp; vợ chồng không nợ đối với tập thể.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Trịnh Thị Hoài N và anh Nguyễn Duy H ly hôn; về

con chung giao con chung là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 03- 8- 2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trịnh Thị Hoài N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên có căn cứ và đủ điều kiện xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Duy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Hoài N và anh Nguyễn Duy H đã tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Giao Thanh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định vào ngày 06- 12- 2013 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do trong thời gian chị N và anh H đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh H cho rằng chị N sống không chung thủy còn chị N cho rằng anh H nghiện ma túy mặc dù chị N đã cho anh H nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh H không thay đổi. Vì vậy, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi, bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị N xin ly hôn, anh H nhất trí. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị N được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Nguyên vọng của các đương sự đều nhận nuôi con, nhưng con chung hiện chị N đang nuôi, cháu còn nhỏ và giới tính nữ, để đảm bảo sự ổn định cho việc nuôi dạy cũng như việc chăm sóc cho sự phát triển bình thường của cháu. Vì vậy giao con chung là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 03- 8- 2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N, nhưng anh H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, ruộng khoán HTX: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét điều chỉnh.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị Hoài N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Trịnh Thị Hoài N và anh Nguyễn Duy H.

2. Về con chung: Giao chị Trịnh Thị Hoài N tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 03- 8- 2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Anh Nguyễn Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N, nhưng anh H được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị Hoài N phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu số 0001260 ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thanh Lâm**

